



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 125491

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE KIM TRUNG
Last Middle First

Current Address: 40 Tu Xuong St./ E4 Vung Tau - Vietnam

Date of Birth: Nov. 23 1939 Place of Birth: Mon cony - Vietnam

Previous Occupation (before 1975) Chief of the operation Section (First Lieutenant)
(Rank & Position) National Police Basic Training Center Rach Dua
Vung Tau

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From May 1st 1975 To June 8 - 1982
Years: 07 Months: 01 Days: 07

3. SPONSOR'S NAME: Hao Thi Vu (Hao Thi Vu Kern)
Name

Address and Telephone Number Tel

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>Robert Vu</u>	<u>Brother in-law</u>
<u>An Vu</u>	<u>Brother in-law</u>
<u>Hao T. Vu Kern</u>	<u>Sister in law</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE, KIM TRUNG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Vu, Thi Thu Hang	9 5 1941	
Le, Duc Chinh	8 31 1968	
Le, Trung Quan	10 11 1972	

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

HỒ SƠ LÊ KIM TRUNG

Kính gửi quý Hội

Kèm theo đây là hồ sơ
(2 copies) do sự chỉ dẫn
của quý Hội.

Đem vui lòng duyệt xét,
nếu có điều chi thiếu sót
xin quý Hội thông báo.
(bao thư + tem kèm sẵn)

Chân thành cảm ơn quý
Hội

Kính

HLĐC

HỒ SƠ LÊ KIM TRUNG

Kính gửi quý Hội

Kèm theo đây là hồ sơ
(2 copies) do sự chỉ dẫn
của quý Hội.

Xin vui lòng duyệt xét,
nếu có điều chi thiếu sót
xin quý Hội thông báo
(báo thư + tem kèm sẵn)

1. Chân thành cảm ơn quý
Hội

Kính

HLĐC

2.

3. SPONSOR'S NAME: Hao Thi Vu (Hao Thi Vu Kern)
Name

Address and Telephone Number

Tel: 1

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number

Relationship

Robert Vu

Brother in-law

An Vu

Brother in-law

Hao T. Vu Kern

Sister in-law

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

✓ CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
ICAL PRISONERS ASSOCIATION

ITON, VA 22205-0635
703-560-0058

IV#: 125491

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

ATION FORM

sons who are or were formerly
so that eligibility for U.S.
can be established.

KIM
Middle

TRUNG
First

t./ E.4 Vung Tau - Vietnam

Birth: Mon. day - Vietnam

ie operation Section (First Lieutenant
sic Training Center Rach Dua
Vung Tau

May 1st 1975 To June 8 - 1982

Months: 01 Days: 07

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ X.N.C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - tự do - Hạnh Phúc

Số : 274/XC

78/VT

GIẤY BẢO TÍN

Kính gửi : Ông Lê Kim Trung

Hiện ở : 40 Tú Xương, Vũng Tàu

- 1/ Chúng tôi đồng ý cho ông cùng 03 người trong gia đình được phép xuất cảnh đến nước Mỹ.
- 2/ Về việc cấp hộ chiếu : chúng tôi đã cấp 04 hộ chiếu cho gia đình, số :

41244 - 41250 / 89ĐC,

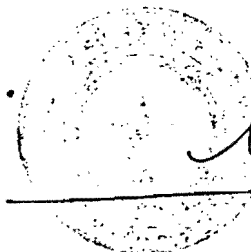
- 3/ Chúng tôi đã lên danh sách số H02/274 chuyển Bộ Ngoại giao để chuyển chính phủ Mỹ bố trí tiếp xúc phỏng vấn và xét nhập cảnh.

Nếu gia đình cần biết thời gian phỏng vấn và kết quả xét duyệt nhập cảnh xin liên hệ với chính phủ Mỹ.

Xin thông báo để ông rõ ./.

Hà Nội, ngày 6 tháng 11 năm 1989

P. TRƯỞNG PHÒNG X.N.C



(Handwritten signature)

Nguyễn Phương

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỐ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : LE KIM TRUNG
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 11 23 1939
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 40 Tu Xuong St. F 4
(Dia chi tai Viet-Nam) Vung Tau - Vietnam

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 5.1.1975 To (Den): 6.8.1982

PLACE OF RE-EDUCATION: Vung Tau Long Khanh Bien Hoa Gia Ray Nam Ha
CAMP (Trai tu) Long Khanh

PROFESSION (Nghe nghiep): _____

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): First Lieutenant
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____
Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X No (Khong): _____
IV Number (So ho so): 125491

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 03
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti:

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 40 Tu Xuong / F.4
Vung Tau - Viet Nam

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro):
Hao Thi Vu (Hao Thi Vu Kern)

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Sister in-law

NAME & SIGNATURE: Hao Thi Vu
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Tel: _____

DATE: 12 02 1989
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE, KIM TRUNG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Vu, Thi Thu - Hang	9. 5. 1941	Wife
Le, Duc Chinh	8. 31. 1968	Son
Le, Trung Quan	10. 11. 1972	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số **27144.8.876.48**

Họ tên **T.Đ. KIM TRUNG.**

Sinh ngày **23-11-1939.**

Nguyên quán **Hồng Hải**

Quảng Ninh.

Nơi thường trú **40 Tú-Dương.**

Châu thành. Vũng Tàu - Côn Đảo.

Dân tộc: **Kinh**..... Tôn giáo: **Phật**.....



NGÓN TRỎ TRÁI

..... DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

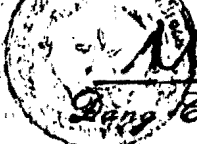
Sẹo chằm C.5cm dưới
sau quai mắt trái.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày **22** tháng **03** năm **1984.**

KY GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN



Dang Cong Han

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu số 001-QT.G, ban hành theo công văn số 2565 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại Xuân Lạc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 957 CRT

00487702212

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ:

Thực hành án văn, quyết định tha số 108/82 ngày 30 tháng 5 năm 82của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Lê Kim Trung

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 23 tháng 11 năm 1939Nơi sinh Móng Cái

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

40 Tú Xương, Vũng TàuCan tội Trưng ủy trưởng ban điều vụBị bắt ngày 1/5/75

Án phạt

10TQT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 40 tú Xương, Vũng Tàu

Nhận xét quá trình cải tạo

CHỨNG SAO Y

Vũng Tàu, ngày 12 tháng 9 năm 88Qua chế 12 tháng

TM. UBND. PHƯỜNG 4

ỦY VIÊN THỦ KÝ



Lần tay ngón trỏ phải

Của Lê Kim Trung

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

Đã bị bắt 55

Đang tại

Trung

Lê Kim Trung

Ngày 8 tháng 6 năm 1982

Giám thị

Kính tá: Trình Văn Thích

Tòa Hành-Chánh Quận Năm

HỘ - TỊCH

X/6

Số ~~hiện~~ : II3

CƯỚC-PHÍ : 10.00

TRÍCH-LỤC CHỨNG-THU' HÔN-THÚ

TÊN HỌ NGƯỜI CHỒNG LE KIM TRUNG
 nghề-nghiệp ~~Thẩm~~ sát viên cảnh sát Quốc Gia
 sanh ngày 23 tháng II năm 1939, tại Hoà Lạc Moncay
 cư-sở tại số 7B/15 Triệu Đà ~~trên đường~~ Saigon
 Tên họ cha chồng (sống chết phải nói) LE VAN CHU (c)
 Tên họ mẹ chồng (sống chết phải nói) NGO THI NHAT (s)

TÊN HỌ NGƯỜI VỢ VU THI THU HANG
 nghề-nghiệp nội trợ
 sanh ngày 5 tháng 9 năm 1941, tại Hà Nội Bắc Phần
 cư-sở tại số 390/446B Phan ~~trên đường~~ đình Phùng Saigon
 Tên họ cha vợ (sống chết phải nói) VU VAN HOAN (s)
 Tên họ mẹ vợ (sống chết phải nói) TRAN THI TAO (vết)

Ngày cưới : ngày 13 tháng 3 năm 1968

Vợ chồng có hay-không có lập hôn-khế :
 ngày tháng năm 196 .., hồi giờ ..

Vợ chồng có khai nhận trẻ tên :

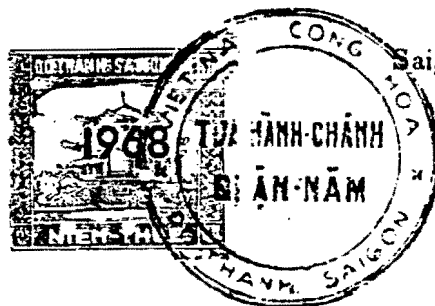
là con của mình.

Lập tại Saigon, ngày 13 tháng 3 năm 1968

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

Saigon, ngày 17 tháng 5 năm 1968

TUN. Quận-Trưởng Quận Năm, X



CHỖ CHỮ CHỮA

Lê Kim Trung



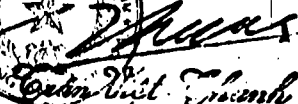
Vũ Thị Thu-Hằng



Lê Đức Chính



Lê Trung Quân

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Phật.	
	NGON TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH.	
		Sẹo chấm C. 3cm dưới sau dưới mắt trái.	
		Ngày tháng. Năm 1978.	
	NGON TRỎ PHẢI		
			

	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
	GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN	
	Số: 270028758	
	Họ tên: VU THỊ THU HẠNG	
	Sinh ngày: 05-09-1941.	
	Nguyên quán: Hàng Bồ	
	Hà Nội.	
	Nơi thường trú: 40 Tú Xương	
		Vũng tàu, Đồng nai.

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ

BỘ TƯ- PHÁP

SỞ TƯ- PHÁP NAM- PHẦN

TOÀ HOÀ- GIẢI
SAIGON

Lục sao y bản chánh đã tại Phòng Lục-Sự Toà Hoà-Giải Saigon

Số 5261.HT (1)

HVN.5

Ngày 3 tháng 10 năm 19 64 (1)

GIẤY THẾ-VÌ KHAI-SANH CHO

Vũ thị Thu Hằng

Năm một ngàn chín trăm 64 ngày 3 tháng 10 hồi 10 giờ

Trước mặt chúng tôi là HA NHƯ VỊNH Chánh-án Toà Hoà-Giải
Đô-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự
phụ - tá

Bùi Quang Nam

ĐÃ TRÌNH DIỆN :

1.—

PHAN THANH HAI

2.—

VU CONG QUYEN

3.—

KIEU HUU MY

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

Vũ thị Thu Hằng (nữ)

sinh ngày 5 -9- 1941 tại Hà Nội (Eáo-Phẩm) con của
ông Vũ Văn Hoàn và bà Trần thị Tảo.

Và duyên cớ mà
khai-sanh được, là vì

Vũ Văn Hoàn

không có thể xin sao-lục

sư giao thông gián đoạn

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây, nên chúng tôi phát giấy thế-vì khai-sanh này cho đương-sự để xử-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam, Các điều 363 và tiếp theo của bộ Hình-luật Canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ,

LỤC-SAO Y,

Saigon, ngày 11 tháng 1 năm 19 68

CHÁNH - LỤC - SỰ,

GIÁ TIỀN : 5600

(1) Chi tiết cần nhắc mỗi khi
xin cấp thêm bản sao.



BÙI-QUANG-NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 277/14730/B

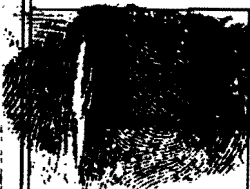
Họ tên: LÊ ĐỨC CHÍNH

Sinh ngày: 31-8-1968

Nguyên quán: Hồng Hải, Quảng Ninh

Nơi thường trú: 40 Tú Xương, Châu thành, Vũng Tàu - Cần Thơ

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật

 NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH <u>Sẹo chạm 6.1 cm dưới</u> <u>sau nếp rãnh.</u>
	Ngày <u>21</u> tháng <u>12</u> năm <u>1995</u> KÝ GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN <u>AM</u> <u>Đang Công Hào</u>
 NGÓN TRỎ PHẢI	

Lê Đức Chính

ĐỒ-THÀNH SAIGON

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TÒA HÀNH-CHÁNH QUẬN BAH Ộ . T I C HSố hiệu : 7722

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám (1968)

Tên, họ đứa nhỏ . . .	Lê Đức Chính
Phái	Nam
Ngày -sinh	Ba mươi mốt tháng sáu năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám, 26/6/68
Nơi sinh	Saigon, 75 Cao Thắng
Tên, họ người Cha. . .	Lê Kim Trung
Tuổi	Hai mươi chín
Nghề-nghiệp	Công chức
Nơi cư-ngụ	Saigon, 390/446B Phan đình Phùng
Tên, họ người mẹ . . .	Vũ thị Thu-Hằng
Tuổi	Hai mươi bảy
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 390/446B Phan đình Phùng
Vợ chánh hay thứ . . .	Vợ chánh

Lập tại Saigon, ngày 3 tháng 9 năm 19 69

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

II/8

Saigon, ngày 9 tháng 9 năm 19 69T. L. QUẬN BA TRƯỞNG QUẬN BA

LÂM-MÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 2446235

Họ tên: LÊ TRUNG QUÂN.

Sinh ngày: 11-10-1972.
 Nguyên quán: Móng cái,
Quảng Ninh.
 Nơi thường trú: 40 Tú xương,
Phường 4, Vũng Tàu - Côn Đảo.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật

	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH
		<u>Nốt ruồi C.2cm sau</u> <u>cánh mũi trái.</u>
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày: <u>30 tháng 10 năm 1988.</u>
		KT/GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG TRƯỞNG TỶ CÔNG AN  <u>Đoàn Công Hậu</u>

Lê Trung Quân

KHAI SANH

Số hiệu : 639

Tên, họ ấu nhi: LÊ - TRUNG - QUÂN

Phái: Nam

Sanh hồi 16 giờ 25 ngày mười một tháng mười, năm

(Ngày, tháng, năm)

Tại : Nhà báo sanh Hồng phúc Cư-Hiệp hai

Cha : Lê - Kim - Trung

(Tên họ)

Tuổi : Ba mươi ba tuổi (1939)

Nghề nghiệp : Cảnh sát

Cư trú tại : 60/1 Cư-Hiệp Thắng Nhứt

Mẹ : Vũ-thị-Thu-Hằng

(Tên họ)

Tuổi : Ba mươi một tuổi (1941)

Nghề nghiệp : Nội-trợ

Cư trú tại : 60/1 Cư-Hiệp Thắng Nhứt

Vợ : Chánh

Người khai : Lê - KIM - TRUNG

(Tên họ)

Tuổi : Ba mươi ba tuổi (1939)

Nghề nghiệp : Cảnh sát

Cư trú tại : 60/1 Cư-Hiệp Thắng-Nhứt

Ngày khai : 14-10-1972

Người chứng thứ nhứt : Vũ - thị - Bảo

(Tên họ)

Tuổi : Ba mươi một tuổi (1941)

Nghề nghiệp : Nữ hộ sinh

Cư trú tại : Cư-Hiệp Thắng-Nhứt

Người chứng thứ nhì : Đỗ-thị-Thảo

(Tên họ)

Tuổi : Hai mươi một tuổi (1951)

Nghề nghiệp : Nữ hộ sinh

Cư trú tại : Cư-Hiệp Thắng-Nhứt

SAO Y BỘ ĐỘI

Thắng-Nhứt, ngày 14-10-1972

Phường-Trưởng

Kiểm Ủy-Viên hộ-tịch

NGUYỄN-VĂN-TRỌNG

Làm tại Thắng-Nhứt, ngày 14 tháng 10 năm 1972

Người khai,
(ký tên)

Hộ lại,
(Ký tên)

Nhân chứng
(ký tên)

TRUNG

TRỌNG

BẢO, THẢO



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE 703-560-0058

IV#: 125491

VEWL.#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE KIM TRUNG
Last Middle First
- Current Address: 40 Tu Xung St./ E.4 Vung Tau - Vietnam
- Date of Birth: Nov. 23 1939 Place of Birth: Mon. Cay - Vietnam
- Previous Occupation (before 1975) Chief of the Operation Section (First Lieutenant)
(Rank & Position) National Police Basic Training Center Rach Dua Vung Tau
2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From May 1st 1975 To June 8 - 1982
Years: 07 Months: 01 Days: 07
3. SPONSOR'S NAME: Hao Thi Vu (Hao Thi Vu Kern)
Name
- Address and Telephone Number Tel.
4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>Robert Vu</u>	<u>Brother in-law</u>
<u>An Vu</u>	<u>Brother in-law</u>
<u>Hao T. Vu Kern</u>	<u>Sister in-law</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE, KIM TRUNG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Vu, Thi Thu Hang	9 5 1941	
Le, Duc Chinh	8 31 1968	
Le, Trung Quan	10 11 1972	

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ X.N.C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - tự do - Hạnh Phúc

Số : 274/XC

78/VT

GIẤY BẢO TÍN

Kính gửi : Ông Lê Kim Trung

Hiện ở : 40 Tú Xương, Vũng Tàu

1/ Chúng tôi đồng ý, cho ông cùng 03 người trong gia đình được phép xuất cảnh đến nước Mỹ.

2/ Về việc cấp hộ chiếu : chúng tôi đã cấp 04 hộ chiếu cho gia đình, số :

41244 - 41250 / 89ĐC,

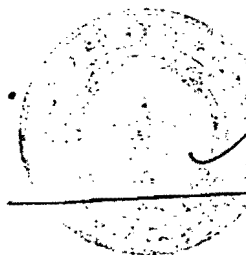
3/ Chúng tôi đã lên danh sách số H02/274 chuyển Bộ Ngoại giao để chuyển chính phủ Mỹ bố trí tiếp xúc phỏng vấn và xét nhập cảnh.

Nếu gia đình cần biết thời gian phỏng vấn và kết quả xét duyệt nhập cảnh xin liên hệ với chính phủ Mỹ.

Xin thông báo để ông rõ ./.
ông

Hà Nội, ngày 6 tháng 11 năm 1989

P. TRƯỞNG PHONG X.N.C



Nguyễn Phương

Nguyễn Phương

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

HỒ SƠ BỒ LÚC

NAME (Ten Tu-nhan) : LE KIM TRUNG
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : 11 23 1939
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): X Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): X
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 40 Tu Xuong St. F 4
 (Dia chi tai Viet-Nam) Vung Tau - Vietnam

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) X No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): 5-1-1975 To (Den): 6-8-1982

PLACE OF RE-EDUCATION: Vung Tau Long Khanh Bien Hoa Gia Ray Nam Ha
 CAMP (Trai tu) Long Khanh

PROFESSION (Nghe nghiep): _____

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): First Lieutenant
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____
 Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): X No (Khong): _____
 IV Number (So ho so): 125491

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 03
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 40 Tu Xuong / F.4
Vung Tau - Viet Nam

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro):
Hao Thi Vu (Hao Thi Vu Kern)

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): X No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Sister in-law

NAME & SIGNATURE: Hao Thi Vu
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) Tel: _____

DATE: 12 02 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LE, KIM TRUNG
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
Vu, Thi Thu - Hang	9.5.1941	Wife
Le, Duc Chinh	8.31.1968	Son
Le, Trung Quan	10.11.1972	Son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

ADDITIONAL INFORMATION :



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số **00111/66764**

Họ tên **T.Đ. KIM TRUNG**

Sinh ngày **23-11-1939**

Nguyên quán **Hồng Hải
Quảng Ninh**

Nơi thường trú **40 Tú-Xương
Châu thành. Vũng Tàu - Côn Đảo**

Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **Phật**



NGÓN TRỎ TRÁI

... DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

**Sẹo chằm C.5cm dưới
sau đuôi mắt trái.**



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày **22** tháng **03** năm **1984**

KHOA GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

Đặng Công Hậu

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-QLTG, ban hành theo công văn số 2363 ngày 27 tháng 11 năm 1972

Trại Tuần Lặc

Số 999 CRT

0	0	4	8	7	7	0	2	2	I	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

-SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thực hành án văn, quyết định tha số 108/82 ngày 30 tháng 5 năm 82

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Lê Kim Trung

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 23 tháng 11 năm 1939

Nơi sinh Móng cái

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

40 Tú Xương, Vĩnh tau

Can tội Hung úy trưởng ban điều vụ

Bị bắt ngày 1/5/72 An phạt TTQT

Theo quyết định, án văn số ngày tháng năm của

Đã bị tống án án, cộng thành năm tháng

Đã được giảm án án, cộng thành năm tháng

Nay về cư trú tại 40 tú Xương Vĩnh tau

Nhận xét quá trình cải tạo

CHỨNG SAO Y

VÙNG TÀU Nồng 15 tháng 2 năm 88

T.M. UBND PHƯỜNG 4

ỦY VIÊN THỦ KÝ



Ngày 8 tháng 5 năm 19 82

Giám thị

Lưu trữ gốc và phải

Của Lê Kim Trung

Họ tên, chữ ký người được cấp giấy

55

Đang tại

Lê Kim Trung

Quang tá: rieh văn Thích

Số Năm : 113

CƯỚC-PHÍ : 10.00

TRÍCH-LỤC CHÚ'NG-THƯ' HÔN-THÚ

TÊN HỌ NGƯỜI CHỒNG LE KIM TRUNG

nghề - nghiệp Thẩm sát viên cảnh sát Quốc Gia

sinh ngày 23 tháng II năm 1939, tại Hoà Lạc Moncay

cu-sở tại số 7B/15 Triệu Đà ~~xxxxxx~~ Saigon

Tên họ cha chồng (sống chết phải nói)..... LE VAN CHU (c)

Tên họ mẹ chồng (sống chết phải nói)..... NGO THI NHAT (s)

TÊN HỌ NGƯỜI VỢ VU THI THU HANG

nghề - nghiệp nội trợ

sinh ngày 5 tháng 9 năm 1941, tại Hà Nội Bắc Phần

cur-sở tại số 390/446B Phan ~~tan~~trú tại đình Phụng Saigon

Tên họ cha vợ (sống chết phải nói) VU VAN HOAN (s)

Tên họ mẹ vợ (sống chết phải nói) TRAN THI TAO (vết)

Ngày cưới : ngày 13 tháng 3 năm 1968

Vợ chồng có hay-không có lập hôn-khế :
ngày.....tháng.....năm 196....., hồi.....giờ.....

Vợ chồng có khai nhận_____trẻ tên :

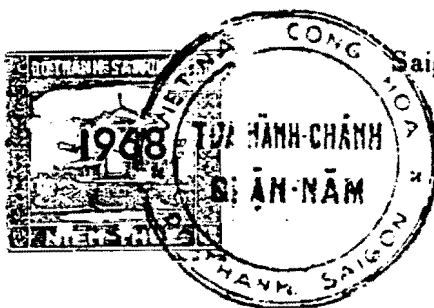
là con của mình.

Lập tại Saigon, ngày 13 tháng 3 năm 1968

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

Saigon, ngày 17 tháng 5 năm 1968

TUN. Quận-Trưởng Quận Năm,



SOURCE AND COUNTRY

Lê Kim Trung



Vũ Thị Thu-Hằng



Lê Đức Chính



Lê Trung Quân

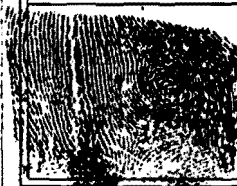
Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **Phật.**



NGÓN TRỎ TRÁI

DẤU VẾT TRIỆNG HOẶC DI HÌNH.

Sẹo chằm C.3cm dưới
sau đuôi mắt trái.



NGÓN TRỎ PHẢI

Ngày tháng 04 năm 1978.
THỦ LƯU QUẢN LÝ
PHỤ LƯU QUẢN LÝ
Trần Việt Thanh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **270028758**

Họ tên: **VU THỊ THU HANG**

Sinh ngày: **05-09-1941.**

Nguyên quán: **Hàng Bồ**

Hà Nội.

Nơi thường trú: **40. Tú Xương**

Vũng tàu, Đồng nai.

VIỆT - NAM CỘNG - HOA

BỘ TƯ - PHÁP

SỞ TƯ - PHÁP NAM - PHẦN

TOÀ HOÀ - GIẢI
SAIGON

Lục sao y bản chánh đã tại Phòng Lục-Sự Toà Hoà-Giải Saigon

Số 5261.HT (1)

HDV.5

Ngày 3 tháng 10 năm 19 64 (1)

GIẤY THẺ-VÌ KHAI-SANH CHO

Vũ thị Thu Hằng

Năm một ngàn chín trăm 64 ngày 3 tháng 10 hồi 10 giờ

Trước mặt chúng tôi là HA NHƯ VỊNH Chánh-án Toà Hoà-Giải
Đô-Thành Saigon, tại văn-phòng chúng tôi, 115, Đại-lộ Nguyễn-Huệ có Lục-sự
phụ - tá

Bùi quang Nam

ĐÃ TRÌNH DIỆN :

1.—

PHAN THANH HAI

2.—

VU CONG QUYEN

3.—

KIEU HUU MY

Những nhân-chứng này đã tuyên-thệ và khai quả-quyết biết chắc

Vũ thị Thu Hằng (nữ)

sinh ngày 5-9-1941 tại Hà Nội (Bắc-Phần) con của
ông Vũ Văn Hoen và bà Trần thị Tảo.

Và duyên cớ mà
khai-sanh được, là vì

Vũ Văn Hoen

không có thể xin sao-lục

sư giao thông gián đoạn

Mấy nhân chứng đã xác nhận như trên đây, nên chúng tôi phát giấy thẻ-vì khai-sanh này cho đương-sự để xử-dụng theo luật, chiếu theo Nghị-định ngày 17 tháng 11 năm 1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam, Các điều 363 và tiếp theo của bộ Hình-luật Canh-cải phạt tội nguy-chứng về việc Hộ từ 2 đến 5 năm tù và phạt bạc từ 200 đến 8.000 đồng đã được đọc cho các nhân-chứng và nguyên-đơn nghe.

Và các nhân-chứng có ký tên với chúng tôi và Lục-sự sau khi đọc lại.

Ký tên không rõ,

LỤC-SAO Y,

Saigon, ngày 11 tháng 1 năm 19 68

CHÁNH - LỤC - SỰ.

GIÁ TIỀN : 5\$00

(1) Chi tiết cần nhắc mỗi khi
xin cấp thêm bản sao.



BUI QUANG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **274/730**

Họ tên: **TRẦN ĐỨC CHÍNH**

Sinh ngày: **31-8-1968**

Nguyên quán: **Hồng Hải,
Quảng Ninh**

Nơi thường trú: **40 Tú Xương,
Châu thành, Vũng Tàu - Cần Thơ**

Dân tộc: **Kinh** Tôn giáo: **Phật**

NGƯỜI TRƯỞNG TÀI

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

**Sẹo chạm 6.7cm dưới
sau mồm phải.**

Ngày **21** tháng **12** năm **1995**

NGƯỜI TRƯỞNG PHẢI

TRƯỞNG ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TÀI CÔNG AN

AM1

Đang Công An

Lê Đức Chính

ĐÔ-THÀNH SAIGON

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TÒA HÀNH-CHÁNH QUẬN BA

HỘ-TỊCH

Số hiệu : 7182

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI SANH

Năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám (1968)

Tên, họ đứa nhỏ	Lê đạo Chính
Phái	Nam
Ngày-sanh	Ba mươi một tháng sáu năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám, 25/6/40
Nơi sanh	Saigon, 75 Cao Thắng
Tên, họ người Cha. . .	Lê Kim Trung
Tuổi	Hai mươi chín
Nghề-nghiệp	Công nhân
Nơi cư-ngụ	Saigon, 390/446B Phan đình Phùng
Tên, họ người mẹ . . .	Vũ thị Thu-Hằng
Tuổi	Hai mươi bảy
Nghề-nghiệp	Nội trợ
Nơi cư-ngụ	Saigon, 390/446B Phan đình Phùng
Vợ chánh hay thứ . . .	Vợ chánh



Lập tại Saigon, ngày 3 tháng 9 năm 19 69

TRÍCH-LỤC Y BỒN CHÁNH :

II/6

Saigon, ngày 9 tháng 9 năm 19 69

TRƯỞNG QUẬN BA

[Handwritten signature]

LÂM-MÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

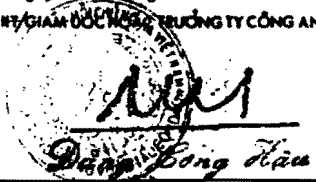
GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 271485235

Họ tên: LÊ TRUNG QUÂN.

Sinh ngày: 11-10-1972.
 Nguyên quán: Móng cái,
Quảng Ninh.
 Nơi thường trú: 40 Tú xương,
Phường 4, Vũng Tàu - Côn Đảo.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Phật.

	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH
		<u>Nốt ruồi C.2cm sau</u> <u>cánh mũi trái.</u>
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày: <u>30 tháng 10 năm 1988.</u> KT/GIÁM ĐỐC/HỌS: <u>TRƯỞNG TY CÔNG AN</u>  <u>Đang Long Hậu</u>

Lê Trung Quân

KHAI SANH

Số hiệu : 639

Tên, họ ấu nhi: LÊ - TRUNG - QUÂN

Phái: Nam

Sanh hồi 16 giờ 25 ngày mười một tháng mười, năm
(Ngày, tháng, năm) một ngàn chín trăm bảy mươi hai

Tại : Nhà ba sanh Hồng phúc Cư-Hiệp

Cha : Lê - Kim - Trung
(Tên họ)

Tuổi : Ba mươi ba tuổi (1939)

Nghề nghiệp : Cảnh sát

Cư trú tại : 60/1 Cư-Hiệp Thắng Nhứt

Mẹ : Vũ-thị-Thu-Hằng
(Tên họ)

Tuổi : Ba mươi một tuổi (1941)

Nghề nghiệp : Nội-trợ

Cư trú tại : 60/1 Cư-Hiệp Thắng Nhứt

Vợ : Chánh

Người khai : Lê - KIM - TRUNG
(Tên họ)

Tuổi : Ba mươi ba tuổi (1939)

Nghề nghiệp : Cảnh sát

Cư trú tại : 60/1 Cư-Hiệp Thắng-Nhứt

Ngày khai : 14-10-1972

Người chứng thứ nhứt : Vũ - thị - Bảo
(Tên họ)

Tuổi : Ba mươi một tuổi (1941)

Nghề nghiệp : Nữ hộ sinh

Cư trú tại : Cư-Hiệp Thắng-Nhứt

Người chứng thứ nhì : Đỗ-thị-Thảo
(Tên họ)

Tuổi : Hai mươi một tuổi (1951)

Nghề nghiệp : Nữ hộ sinh

Cư trú tại : Cư-Hiệp Thắng-Nhứt

SAO Y BỘ ĐỜI

Thắng-Nhứt, ngày 14-10-1972

Phường-Trưởng

Kiểm Ủy-Viên hộ-tịch

NGUYỄN-VĂN-TRỌNG

Làm tại Thắng-Nhứt, ngày 14 tháng 10 năm 1972

Người khai,
(ký tên)

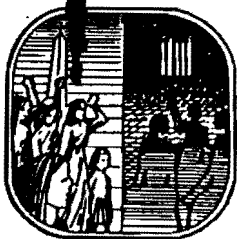
Hộ lại,
(Ký tên)

Nhân chứng
(ký tên)

TRUNG

TRỌNG

BẢO, THẢO



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: 125 491
VEWL.#: _____
I-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM LE KIM TRUNG
Last Middle First

Current Address: 40 Tu Xuong - Con Dao - Vung Tau

Date of Birth: 11-23-1939 Place of Birth: Mong Lai

Previous Occupation (before 1975) F. Lieutenant
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05-01-75 To 06-08-1982
Years: 07 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>VII - THI - HAO</u>	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
VU - THI THU HANG	1941	wife
LE KIM TRUNG	19	
LE DUC CHINH	1968	son
LE TRUNG QUAN	1972	son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

BỘ NỘI VỤ
Trại Xuân Lộc
Số 999 - CRT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 001-Q1.TG, ban hành theo công văn số 2363 ngày 27 tháng 11 năm 1972

0	0	4	8	7	7	0	2	2	1	2
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	---

SHSLD

GIẤY RA TRẠI

Theo thông tư số 966-BCA/TT ngày 31-5-1961 của Bộ Nội vụ;

Thi hành án văn, quyết định tha số 108/SD ngày 30 tháng 5 năm 82

của BỘ NỘI VỤ

Nay cấp giấy tha cho anh, chị có tên sau đây:

Họ, tên khai sinh Lê Kim Trung

Họ, tên thường gọi

Họ, tên bí danh

Sinh ngày 23 tháng 11 năm 1939

Nơi sinh Móng Cái

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú trước khi bị bắt

40 Tú Xương, Vĩnh tâu

Can tội trung úy trưởng ban điều vụ

Bị bắt ngày 1/5/75

Án phạt TTCT

Theo quyết định, án văn số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ của _____

Đã bị tăng án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Đã được giảm án _____ lần, cộng thành _____ năm _____ tháng _____

Nay về cư trú tại 40 tú Xương Vĩnh tâu

Nhận xét quá trình cải tạo

CHỨNG SAO Y

VÙNG TÁU NHO 25 tháng 5 năm 82

TM. UBND. PHƯỜNG 4

ỦY VIÊN THỦ KÝ



Lưu tay ngỏ trở phải

Của Lê Kim Trung

Họ tên, chữ ký

người được cấp giấy

55

ở nhà

Lê Kim Trung

Ngày 5 tháng 5 năm 19 82

Giám thị

Trình và Thích



NATIONAL OFFICE

USCC Reference No.
76217

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

OAP-IV No. _____
(If Known)

1317 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

(202) 659-6646 / 6647

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (VIETNAM)

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP

Diocese of: San DiegoYour Name: Mr/Mrs/Miss VU THI HAO Phone (home) _____
(Family) (Individual) (Business)• Your Address _____
Number _____ Street _____ County/City 0 State 92111 ZipDate of Birth: Dec 30 1943 Place of Birth: Viet NamDate of Entry to U.S. April 30 1984 From (country or camp): Viet namMy Alien Registration Number is (If Applicable) A 27 310 662Legal Status: Parolee X Permanent Resident Alien _____ U.S. Citizen _____

My Naturalization Certificate Number is (If Applicable) _____

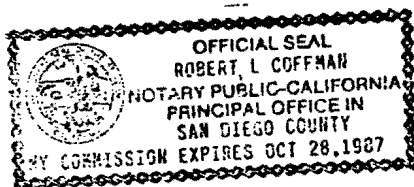
I am filing this Affidavit for the following relatives still in Vietnam to come to the United States, under the ORDERLY DEPARTURE PROGRAM (ODP). I include a copy of my _____ I-94 (both: _____ I-151 (Permanent Resident Alien Card)

Name	Sex	Date/Place of Birth	Relation to you	Address in Vietnam
Vũ Thị Thu Hằng	F	Sep 5 1941 Hanoi Vietnam	Sister	40 Tu' Xương Cẩn đ Vũng Tàu
Lê Kim Trung	M	Nov 23 1939 Monray Vietnam	Brother in law	40 Tu' Xương Cẩn đ Vũng Tàu
Lê Đức Chính	M	Aug 31 1968 Saigon Vietnam	Nephew	40 Tu' Xương Cẩn đ Vũng Tàu
Lê Trung Quân	M	Oct 11 1972 Saigon Vũng Tàu / Vietnam	Nephew	40 Tu' Xương Cẩn đ Vũng Tàu

I swear that the information in this statement is true to the best of my knowledge, and understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States

Your Signature Thao TuSubscribed and sworn to before me this
7 day of Nov 1984Signature of Notary Public Robert P. Coffman

My commission expires: _____



- Any change of address should be reported immediately to USCC National Office and the local USCC Diocesan Resettlement Office.

USCC FORM A (revised 12/83)



MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

902 BROADWAY • NEW YORK, N.Y. 10010-6093 • 212/460-8077

CABLE ADDRESS: NYCATHWELL

TELEX NUMBER: 666954

DATE: Mar 03, 1987

Vu Thi Hao
1433 Naranja Avenue
El Cajon, CA 92021

Dear Sir/Madam:

In answer to your request, according to our records, the Orderly Departure Office has assigned the following IV reference number to the Principal Applicant in Vietnam:

Name of P.A.	Vu Thi Thu Hang	Sep,5,1941	IV	125491
Accompanying	Le Kim Trung	1939		
Family Member	Le Duc Chinh	1968		
	Le Trung Quan	1972		

Issuance of an IV reference number indicates that the file has been registered and entered into the computer in Bangkok.

Please notify the ODP/Bangkok Office directly of any change of address for the relative in Vietnam or the sponsor in the U.S.

If the sponsor is requested to send documents to the Orderly Departure Office, please indicate the IV reference number on all documents.

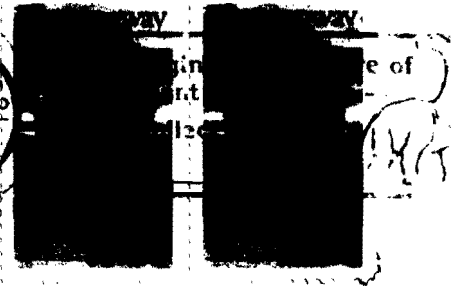
ODP Section
Southeast Asian Program

CC. Mrs. Gwen Plank / San Diego / CA. - FYI.

Form 3B.

CONTRIBUTIONS ARE TAX DEDUCTIBLE

Vũ Thị Hào



→ vauy
- 7f

Hội Gia đình Tự Nhân Chính Trị Việt Nam
c/o Bà Khúc Minh Thơ

SEP 12 1989

P.O. Box 5435

Arlington, VA 22205-0635

Ngày 8 tháng 9 năm 1939

Hội Gia-dinh Tũ nhân Chính-tri VN
c/o Bà KHUẾ MINH THỎ
P.O.BOX 5435
Arlington, VA 22205-0635

VU THI HAO

Tel:

Kính thưa quý Ông, Bà:

Được biết quý-vị là những nhā hảo-tâm , nhiệt tĩnh giúp-
đỡ cho gia-đĩnh tũ nhân chỉnh-trĩ hiện đāng cōn kết lại tại
Việt-Nam, chúng tōi tha-thiết gửi đén quý-vị vāi chi-tĩết về
thần nhân của chúng tōi nhũ sau:

Họ và tên : LÊ KIM TRUNG
 Ngày bị bắt : 1-5-1975
 Ngày ra trại : 8-6-1982
 Địa chỉ hiện tại : Số 40 đường Tú Xương
 Xóm Mới - VUNG TÀU
 VIỆT-NAM

Kính mong quý vị vui lòng cứu xét và giúp đỡ thân nhân của chúng tôi được thoát khỏi nhà tù không lối của Cộng-sản Việt-Nam. Nếu cần thêm chi tiết xin quý vị vui lòng báo cho gia-đình chúng tôi được biết.

Xin nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn của gia-đình chúng
tôi.

Kính chúc quý vị mọi điều an-lành đế' những người cứu tũ cải-tạo và thân nhân của họ còn có được niềm hy-vong của ngày mai.

Kính chào quý-vi.

Hao
VU THI HAO

Đính kèm:

1	Bản	phong	ảnh	Giấy RaTrại
1	-	-	-	Giấy Bảo lãnh
1	-	-	-	Số IV:125491